

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM GDTX LÊ QUÝ ĐÓN

Biểu mẫu 14

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của cơ sở giáo dục thường xuyên, năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			10	11	12
I	Số học viên thuộc diện xếp loại hạnh kiểm	124	48	45	31
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	60 (48,38%)	21 (16,94%)	16 (12,90%)	23 (18,55%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	32 (25,80%)	8 (6,45%)	18 (14,52%)	6 (4,84%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	33 (25,80%)	19 (15,32%)	11 (8,87%)	2 (1,61%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
II	Số học viên chia theo học lực	125	48	46	31
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	5 (4,00%)	0 (0,00%)	2 (1,60%)	3 (2,40%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	20 (16,00%)	11 (8,80%)	4 (3,20%)	5 (4,00%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	55 (44,00%)	16 (12,80%)	19 (15,20%)	20 (16,00%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	37 (29,60%)	15 (12,00%)	20 (16,00%)	2 (1,60%)
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	8 (6,40%)	6 (4,80%)	1 (0,80%)	2 (0,80%)
III	Tổng hợp kết quả cuối năm				
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	102 (81,60%)	36	36	30
a	Học viên giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	5 (4,00%)	0 (0,00%)	2 (1,60%)	3 (2,40%)
b	Học viên tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	19 (15,20%)	11 (8,80%)	3 (2,40%)	5 (4,00%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	34 (27,20%)	15 (12,00%)	19 (15,20%)	0 (0,00%)

3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	22 (17,60%)	12 (9,60%)	9 (7,20%)	1 (0,80%)
4	Bỏ học (tỷ lệ so với tổng số)	12 (9,60%)	8 (6,40%)	3 (2,40%)	1 (0,80%)
IV	Số học viên dự xét hoặc thi tốt nghiệp	30			
V	Số học viên được công nhận tốt nghiệp	30			
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)				
VI	Số học viên thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học viên vào học các cơ sở GD nghề nghiệp khác (tỷ lệ so với tổng số)				

B. Đào tạo liên kết hình thức vừa làm vừa học, từ xa (đại học, cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm)

STT		Trình độ đào tạo	Quy mô đào tạo	Số học viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp			Tỷ lệ học viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (Đối với học
					Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
I	Tổng số							
II	Liên kết đào tạo hình thức vừa làm vừa học							
III	Liên kết đào tạo hình thức từ xa							
IV	Chương trình đào tạo, bồi dưỡng liên kết với các doanh nghiệp							

C. Các chương trình bồi dưỡng, đào tạo khác

STT	Chương trình bồi dưỡng, đào tạo	Số người tham gia	Thời gian bồi dưỡng, đào tạo (tháng)	Số người được cấp chứng chỉ (nếu có)
1	Nghề Phổ thông	18	9 tháng	18
2	Tin học	48	9 tháng	22

TP. HCM, ngày 01 tháng 8 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



Lâm Minh Xuân Trường

